

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 3 - 2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Hiền và bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hà Long K, sinh năm 1976; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1976; vắng mặt.

Các đương sự cùng địa chỉ: Số 226 đường T, tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai của anh Hà Long K tại phiên tòa; bản khai và lời khai của chị Vũ Thị T thì nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hà Long K và chị Vũ Thị T lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, có con chung, tài sản chung nhưng đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Hà Long K: Năm 2008 do vợ chồng anh chị làm ăn khó khăn về kinh tế nên dẫn đến mâu thuẫn cãi chửi nhau, ngoài ra chị T nhiều lần nghi ngờ anh ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng không có bằng chứng gì, vợ chồng

nhấn tin chữ bói, xúc phạm nhau. Từ năm 2008 đến nay anh và chị T tuy vẫn ở cùng nhà nhưng không ngủ cùng nhau. Năm 2017 anh đã nói với chị T là làm đơn ly hôn nhưng chị T không đồng ý dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn tiếp tục cãi chữ nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Theo chị Vũ Thị T trình bày: Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì anh Khánh có quan hệ ngoại tình với 01 người phụ nữ tên là C ở tỉnh Thanh Hóa (theo chị được biết thì anh K còn có con riêng với người phụ nữ này), sau đó anh K còn vào tỉnh Thanh Hóa tổ chức đám cưới với chị C, hai người chung sống với nhau được khoảng 05 tháng thì anh K quay về sống với chị bình thường. Sau đó anh K tiếp tục ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác. Gần đây khoảng năm 2019 anh K tiếp tục quan hệ tình cảm với chị T1 ở xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (chị T1 có chồng đang đi tù về tội ma túy), anh K còn phát trực tiếp (livestream) trên facebook và nhận đây là hai vợ chồng, vì sợ ảnh hưởng đến các con nên chị góp ý thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, khoảng 04 tháng nay anh K ra ngoài thuê phòng trọ không ngủ ở nhà. Đến nay chị xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, nên chị không đồng ý ly hôn với anh K.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh Hà Long K và chị Vũ Thị T có 02 con chung là cháu Hà Hưng B, sinh ngày 28/11/2001 hiện cháu đã trên 18 tuổi và đang học Đại học Bách khoa Hà Nội năm thứ 2 và cháu Hà Phú T, sinh ngày 15/4/2007 hiện cháu đang ở cùng chị T.

Anh K và chị T đều xác định cháu B đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Hà Phú T, anh K và chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ, các vấn đề khác*: Anh K và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành do chị T vắng mặt.

Tại phiên toà:

- Anh Hà Long K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn với chị Vũ Thị T; về con chung: Đề nghị giao cháu Hà Phú T cho chị T nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 3.000.000 đồng. Đối với cháu Hà Hưng B đã trưởng thành các bên không phải nuôi dưỡng; về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt phiên họp, phiên toà không có lý do là

không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho ly hôn giữa anh Hà Long K và chị Vũ Thị T; Về con chung: Giao cháu Hà Phú T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; đối với cháu Hà Hưng B, sinh ngày 28/11/2001 đã trên 18 tuổi các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng là 3.000.000 đồng; về tài sản và các vấn đề khác do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Long K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự và đã mở phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn chị Vũ Thị T vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Long K và chị Vũ Thị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn kinh tế khó khăn, chị T còn nghi ngờ anh K có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; chị T cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm, nhưng cũng xác định từ nhiều năm nay vợ chồng tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan hệ tình cảm, Toà án tiến hành hoà giải để các đương sự về đoàn tụ nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó giải quyết ly hôn giữa anh Hà Long K và chị Vũ Thị T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Hưng B, sinh ngày 28/11/2001 hiện cháu B đã trên 18 tuổi và đang học Đại học Bách khoa Hà Nội và cháu Hà Phú T, sinh ngày 15/4/2007 hiện cháu đang ở cùng chị T và bà Lã Thị P (là bà nội).

Quá trình giải quyết vụ án, anh K và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu T có lời khai tại Toà án,

trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với chị T. Tại phiên toà, anh K đề nghị giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của các đương sự là chính đáng, tuy nhiên để đảm bảo quyền được nuôi con, điều kiện về chỗ ăn, ở và kinh tế của các bên cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu T được ăn học, sinh hoạt đầy đủ. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu Hà Phú T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Hà Long K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Vũ Thị T không yêu cầu. Tuy nhiên tại phiên toà anh Hà Long K đề nghị cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 3.000.000 đồng. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, đề nghị được cấp dưỡng nuôi con của anh K là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với cháu Hà Hưng B, sinh ngày 28/11/2001 hiện cháu B đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập, anh K và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Hà Long K và chị Vũ Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Phú T, sinh ngày 15/4/2007 cho chị Vũ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Hà Long K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), kể từ tháng 03 năm 2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Hà Long K phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai số AA/2015/0003762 ngày 06/10/2020. Anh K còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND thị trấn V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy